Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 9: BASE – THANG pH**

Thời gian thực hiện: 5 tiết

**I. MỤC TIÊU:
1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH-),

- Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.

- Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng và rút ra nhận xét về tính chất của base.

- Tra được bảng tính tan để biết một số hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan

- Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.

- Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).

- Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:***

+ Chủ động, tự tìm hiểu về khái niệm base, tính chất của base và cách tra bảng tính tan.

+ Chủ động, tự tìm hiểu về thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:***

+ Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về base, thang pH.

+ Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV trong khi thảo luận, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** Giải quyết vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để thảo luận hiệu quả, giải quyết các vấn đề trong bài học và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

***- Năng lực nhận biết KHTN:***

+ Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH-),

+ Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.

+ Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.

***- Năng lực tìm hiểu tự nhiên:***

+ Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng và rút ra nhận xét về tính chất của base.

+Tra được bảng tính tan để biết một số hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan

+ Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).

***- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:***

+ Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.

**3. Phẩm chất:**

- Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

+ Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

+ Cẩn thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong chủ để bài học.

+ Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng nhóm;

- Các hình ảnh theo sách giáo khoa; máy chiếu, bảng nhóm;

- Dụng cụ: Giá để ống nghiệm, ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt, mặt kính đồng hồ, thìa thuỷ tinh, Mặt kính đồng hồ, ống hút nhỏ giọt, cốc thủy tinh, đèn cồn.

- Hóa chất:

+ Dung dịch NaOH loãng, Mg(OH)2, giấy quỳ tím, dung dịch phenolphthalein.

+ Nước chanh, giấy chỉ thị màu, các dung dịch giấm ăn, nước xà phòng, nước vôi trong, bắp cải tím.

- Phiếu học tập.

1. **Học sinh:**
* Bài cũ ở nhà.
* Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu:** (Quan sát mẫu chất – trả lời câu hỏi)

**a) Mục tiêu:**

- Tạo được hứng thú cho học sinh, dẫn dắt giới thiệu vấn đề, để học sinh biết được vai trò base trong cuộc sống.

**b) Nội dung:**

- GV cho học sinh xem video giới thiệu: Tại sao khi bị ong hoặc kiến đốt, người ta thường bôi vôi vào vết đốt? Tìm hiểu vai trò của nước vôi trong?

|  |  |
| --- | --- |
| A cartoon of a child screaming  Description automatically generated with medium confidence | A picture containing invertebrate, ant, insect, pest  Description automatically generated |

**c)****Sản phẩm:**

Học sinh bước đầu nói lên suy nghĩ của bản thân và dự đoán câu trả lời của học sinh?

Theo kinh nghiệm dân gian truyền lại thì khi bị côn trùng đốt, nếu bôi nước vôi vào vết đốt thì vết thương sẽ mất đi và không còn cảm giác ngứa rát nữa. Hiện tượng này là do trong nọc độc của một số côn trùng như: Ong, kiến, muỗi… có chứa một lượng acid fomic (HCOOH) gây bỏng da và đồng thời gây rát, ngứa.

Ngoài ra, trong nọc độc ong còn có cả acid chlohydric (HCl), acid phosphoric (H3PO4)…, cho nên khi bị ong đốt, da sẽ phồng rộp lên và rất rát. Người ta lấy nước vôi trong để bôi vào vết côn trùng đốt sẽ khiến xảy ra phản ứng trung hoà, làm cho vết phồng xẹp xuống và không còn cảm giác rát ngứa nữa.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV cho học sinh xem video giới thiệu về hành động khi con người bị ong đốt, người ta thường bôi vôi lên vết đốtQuan sát mẫu, hình ảnh có trên màn hình máy chiếu và GV cho học sinh xem video giới thiệu về quy trình làm mức.HS trả lời một số câu hỏi tìm hiểu vai trò của nước vôi trong?- HS quan sát các mẫu sau: (1) Bí đao ngâm trong nước vôi trong làm mứt, (2) cà chua ngâm trong nước vôi trong làm mứt.- Để tránh nguyên liệu bị nát vụn khi chế biến, trong quá trình làm mứt người ta thường ngâm nguyên liệu vào nước vôi trong. Trong quá trình đó độ chua của một số loại quả sẽ giảm đi. Vì sao lại như vậy?***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS hoạt động nhóm 2 theo yêu cầu của GV.*- Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần.***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án.***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ****- Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, đánh giá:**- Giáo viên nhận xét, đánh giá:* *→ Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.*→ Giáo viên nêu mục tiêu bài học:* |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH-), cách gọi tên và công thức của một số base thông dụng.

- Tra được bảng tính tan để biết một số hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.

- Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng và rút ra nhận xét về tính chất của base.

- Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. Giới thiệu thang màu pH và ý nghĩa của thang pH.

 - Để học sinh biết được ứng dụng của thang pH trong cuộc sống

**b) Nội dung:**

- Học sinh làm việc cá nhân nghiên cứu thông tin trong SGK, thực hiện các nhiệm vụ và hoàn thành các phiếu học tập.

H2.1. Tìm hiểu khái niệm của base - tính tan của base

H2.2. Tìm hiểu tính chất hóa học của base

H2.3. Tìm hiểu thang pH và ý nghĩa của thang pH

**c)****Sản phẩm:**

**H2.1.** câu trả lời học sinh, câu 1,2/phiếu học tập số 1.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 1****Câu 1:** Những chất là base: Mg(OH)2, Ba(OH)2,  Zn(OH)2, NaOH, Fe(OH)3, Ca(OH)2.**Câu 2: Hoàn thành bảng sau**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| NaOH | Sodium **hydroxide** | Mg(OH)2 | Magnesium **hydroxide** |
| KOH | Potassium **hydroxide** | Fe(OH)3 | Iron (III) **hydroxide** |
| Ba(OH)2 | Barium **hydroxide** | Al(OH)3 | Aluminium **hydroxide** |
| Cu(OH)2 | Copper (II) **hydroxide** | Ca(OH)2 | Calcium **hydroxide**  |

**Câu 3:** Sử dụng bảng tính tan, em hãy cho biết base nào tan được trong nước và base nào không tan trong nước.: LiOH, KOH, NaOH, Ba(OH)2, Cu(OH)2,  Zn(OH)2, Mg(OH)2, Fe(OH)3, Al(OH)3.+ Base tan được trong nước gọi là kiềm: LiOH, NaOH, KOH, Ba(OH)2+ Base không tan trong nước: Cu(OH)2,  Zn(OH)2, Fe(OH)3, Mg(OH)2, Al(OH)3 |

Các loại thực phẩm chứa hàm lượng base cao.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Chế Biến Đậu Nành Với Những Thực Phẩm Này Cực Có Lợi Cho Sức Khỏe Các Mẹ  Nên Biết | Cooky.vn | Những loại trái cây giúp đánh bay cơn nóng ngày hè vừa giúp tăng đề kháng -  Mầm non Yết Kiêu | Nên ăn các loại hạt nào tốt cho sức khỏe? |
| ***Rau lá xanh.*** | **Đậu nành** | ***Các loại trái cây*** | ***Các loạt hạt như hạnh nhân...*** |

**H2.2.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 2****Câu 1:** Tiến hành thí nghiệm tìm hiểu tính chất của base và hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thí nghiệm** | **Hiện tượng** | **Phương trình phản ứng** |
| 1 | Làm đổi chất chỉ thị màu | - Các dung dịch base (kiềm) làm đổi màu chất chỉ thị: + Quỳ tím thành màu xanh. + Dung dịch phenolphtalein không màu thành màu hồng. |  |
| 2 | Dung dịch NaOH nhỏ vài giọt dd phenolphthalein, tác dụng với dung dịch HCl loãng | Dùng dịch màu hồng chuyển sang không màu | NaOH + HCl → NaCl + H2OSodium hydroxide sodium chloride |

**Câu 2:** Viết phương trình hoá học xảy ra khi cho các base: KOH, Cu(OH)2, Ca(OH)2 lần lượt tác dụng với:1. dung dịch acid HCl.
2. dung dịch acid H2SO4.
3. KOH + HCl  KCl + H2O

Cu(OH)2  + 2HCl CuCl2 + 2H2OCa(OH)2  + 2HCl CaCl2 + 2H2O1. KOH + H2SO  K2SO4 + H2O

Cu(OH)2  + H2SO4  CuSO4 + 2H2OCa(OH)2  + H2SO4  CaSO4 + 2H2O**Câu 3:** Hoàn thành các phương trình hoá học theo sơ đồ sau:1. KOH + H2SO4  K2SO4 + H2O
2. Mg(OH)2  + H2SO4  MgSO4 + 2H2O
3. 2Al(OH)3  + 3H2SO4  Al2(SO4)3 + 6H2O

**Câu 4:** Có hai dung dịch giấm ăn CH3COOH và nước vôi trong Ca(OH)2 . Nêu cách phân biệt hai dung dịch trên bằng:1. quỳ tím.

+ Quỳ tím hóa đỏ là: CH3COOH + Quỳ tím hóa xanh là: Ca(OH)2 1. Phenolphthalein chuyển sang màu hồng là Ca(OH)2 , không hiện tượng là: CH3COOH
 |

**H2.3.** Thang pH được dùng để biểu thị độ acid, base của dung dịch.



+ pH < 7 : Môi trường acid; pH càng nhỏ thì độ acid của dung dịch càng lớn

+ pH = 7: Môi trường trung tính (không có tính acid và không có tính base).

+ pH > 7: Môi trường base; pH càng lớn thì độ base của dung dịch càng lớn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dung dịch | Nước chanh | giấm ăn | xà phòng | nước uống | nước vôi trong | ép táo |
| Hiện tượng | Quỳ tím hóa đỏ | Quỳ tím hóa đỏ | Quỳ tím hóa xanh | Không đổi màu | Quỳ tím hóa xanh | Quỳ tím hóa đỏ |
| Kết luận | Môi trường acid | Môi trường acid | Môi trường base | Môi trường trung tính | Môi trường base | Môi trường acid |

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1: *Tìm hiểu khái niệm của base - tính tan của base*** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- Chia lớp học làm 4 nhóm, tìm hiểu bảng 9.1/SGK. GV đặt câu hỏi: Quan sát Bảng 9.1 và thực hiện các yêu cầu:1. Công thức hoá học của các base có đặc điểm gì giống nhau?2. Các dung dịch base có đặc điểm gì chung?3. Thảo luận nhóm và đề xuất khái niệm về base.4. Em hãy nhận xét về cách gọi tên base và đọc tên base Ca(OH)2.Giáo viên hướng dẫn học sinh cách gọi tên base thông dụng**Tên Base** **= tên kim loại + hóa trị (nếu có) + hydroxide**Hoàn thành câu 1,2 phiếu học tập số 1GV: Các base được chia làm hai loại tùy theo tính tan của chúng + Base tan được trong nước gọi là kiềm: NaOH, KOH, Ca(OH)2,…+ Base không tan trong nước: Fe(OH)3, Cu(OH)2,…..GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng tính tan (phụ lục 1) và thảo luận cặp đôi hoàn thành câu hỏi số 3/phiếu học tập số 1GV: Các loại thực phẩm nào chứa hàm lượng base cao?***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập*****-** Mỗi nhóm thảo luận kết quả rút ra khái niệm base và hoàn thành vào phiếu học tập số 1. - Sau khi thảo luận xong, nhóm rút ra kết luận***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- Cho các nhóm treo kết quả của nhóm mình lên ;- Mời nhóm trưởng đứng vào phần kết quả của nhóm mình;- Gọi 1 nhóm đại diện trình bày kết quả. ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ****- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.**- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*- GV nhận xét và chốt nội dung: | **I. Khái niệm**\* Khái niệm baseBase là những hợp chất trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm hydroxide. Khi tan trong nước, base tạo ra ion OH-.\* Công thức phân tử của base- Gồm 1 nguyên tử kim loại liên kết với 1 hay nhiều nhóm hydroxide (-OH).- Dạng tổng quát: **M(OH)n**+ n: là hóa trị của kim loại M\* Tên gọi: Tên Base = tên kim loại + hóa trị (nếu có) + hydroxide\* Phân loại: Các base được chia làm hai loại tùy theo tính tan của chúng+ Base tan được trong nước gọi là kiềmVí dụ: NaOH, KOH, Ca(OH)2,…Base không tan trong nướcVí dụ: Fe(OH)3, Cu(OH)2,….. |
| **Hoạt động 2.2: *Tìm hiểu tính chất hóa học của base*** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, cho đại diện học sinh đọc dụng cụ và hóa chất có sẵn trong khay, các nhóm khác kiểm tra đầy đủ hóa chất và dụng cụ trước khi tiến hành thí nghiệm.+ Thí nghiệm 1: Nhỏ 1 - 2 giọt dung dịch NaOH vào mẫu giấy quỳ tím.+ Thí nghiệm 2: Cho dung dịch NaOH loãng, sau đó nhỏ vào ống nghiệm 2-3 giọt dung dịch phenolphthalein. Nhỏ từ từ dung dịch HCl vào hỗn hợp, vừa nhỏ vừa lắc (Hình 9.1).- GV hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm và cách quan sát ghi nhận kết quả vào phiếu học tập- GV gọi học sinh nhận xét, nêu hiện tượng- GV gọi học sinh viết phương trình hóa học- Tổ chức cho học sinh làm việc nhóm hoàn thành câu 1/phiếu học tập số 2+ Nhóm 1: báo cáo thí nghiệm 1 + Nhóm 2: báo cáo thí nghiệm 2  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung - Giáo viên cho học sinh thảo luận cặp đội hoàn thành câu 2,3,4/phiếu học tập số 2- Giáo viên giới thiệu ứng dụng của NaOH trong đời sống***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***GV quan sát, hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ****- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.**- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* | **II. Tính chất hóa học**- Các dung dịch base (kiềm) làm đổi màu chất chỉ thị: + Quỳ tím thành màu xanh. + Dung dịch phenolphtalein không màu thành màu hồng.- Base tác dụng acid tạo thành muối và nước |
| **Hoạt động 2.3: *Tìm hiểu thang pH và ý nghĩa của thang pH*** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- Chia lớp học làm 4 nhóm, chuẩn bị nội dung thuyết trình và làm thí nghiệm tìm hiểu thang pH+ Nhóm 1: Tìm hiểu thang pH, cách sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.+ Nhóm 2: Sử dụng quỳ tím xác định môi trường acid, base và trung tính của các chất sau: Nước chanh, giấm ăn, xà phòng, nước uống, nước vôi trong, ép táo. Hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dung dịch | Nước chanh | giấm ăn | xà phòng | nước uống | nước vôi trong | ép táo |
| Hiện tượng |  |  |  |  |  |  |
| Kết luận |  |  |  |  |  |  |

- Đặt câu hỏi vận dụng cho học sinh:\* Dung dịch X làm quỳ tím chuyển sang màu đỏ. Kết luận nào sau đây là đúng? Giải thích.a) Dung dịch X có pH nhỏ hơn 7.b) Dung dịch X có pH lớn hơn 7.GV giới thiệu thang màu pH GV giới thiệu+ Nhóm 3: Tìm hiểu ý nghĩa của pH đối với thực vật+ Nhóm 4: Tìm hiểu ý nghĩa của pH đối với động vật và con người ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập*****-** Mỗi nhóm thảo luận và trình bày nội dung nhóm chuẩn bị- Sau khi thảo luận xong, nhóm rút ra kết luận***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- Cho các nhóm cưt đại diện các thành viên thuyết trình- Các nhóm khác bổ sung, tương tác, phản biện- GV kết luận về nội dung kiến thức mà các nhóm đã đưa ra.- GV cho học sinh ghi nội dung trong tâm vô vở***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ****- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.**- Giáo viên nhận xét, đánh giá.* | **III. Thang pH**Thang pH được dùng để biểu thị độ acid, base của dung dịch.+ pH < 7 : Môi trường acid; pH càng nhỏ thì độ acid của dung dịch càng lớn+ pH = 7: Môi trường trung tính (không có tính acid và không có tính base). + pH > 7: Môi trường base; pH càng lớn thì độ base của dung dịch càng lớnThang pH có ý nghĩa to lớn trong thực tiễn |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- GV cho học sinh làm việc cá nhân và trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

**c)****Sản phẩm:**

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV trình chiếu câu hỏi, học sinh sử dụng bảng A,,B,C,D để trả lời**Câu 1: Dãy các base làm phenolphtalein hoá hồng là:**1. NaOH; Ca(OH)2; KOH
2. NaOH; Ca(OH)2; Zn(OH)2
3. Ba(OH)2; KOH; Al(OH)3
4. Ba(OH)2; Ca(OH)2; Fe(OH)3

**Câu 2: Trong các base dưới đây, base nào tan tốt trong nước?**1. Fe(OH)3.
2. KOH.
3. Fe(OH)2.
4. Cu(OH)2.

**Câu 3: Nhỏ một giọt quỳ tím vào dung dịch KOH, dung dịch có màu xanh, nhỏ từ từ dung dịch HCl cho tới dư vào dung dịch có màu xanh trên thì:**A. Màu xanh nhạt dần, mất hẳn rồi chuyển sang màu đỏ.B. Màu xanh vẫn không thay đổi.C. Màu xanh nhạt dần rồi mất hẳn.D. Màu xanh đậm thêm dần.**Câu 4:** Dung dịch làm phenolphthalein không màu thành màu hồng là:1. NOH B.NaOH C.Ba(OH)2 D.KOH.

**Câu 5:** Tên gọi của Mg(OH)2 1. Potassium **hydroxide**
2. Calcium **hydroxide**
3. Magnesium **hydroxide**
4. Aluminium **hydroxide**

**Câu 6: Điều khẳng định đúng là:**A. dung dịch có môi trường base thì pH > 7.B. dung dịch có môi trường trung tính thì pH < 7.C. dung dịch có môi trường acid thì pH = 7. D. dung dịch có môi trường trung tính thì pH > 7.**Câu 7:** Dung dịch nào sau đây có pH = 7A. NaOH. B. NaCl. C. H2SO4. D. HCl.**Câu 8:** Dung dịch nào sau đây có pH < 7A. NaOH. B. KCl. C. H2SO4. D. KOH. **Câu 9:** Ở những vùng đất phèn người ta bón vôi để làmA. Giảm khoáng chất cho đấtB. Tăng khoáng chất cho đất.C. Giảm pH của đất. D. Để môi trường đất ổn định.**Câu 10:** Dịch vị dạ dày thường có pH trong khoảng từ 2-3. Những người bị mắc bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng thường có pH < 2. Để chữa căn bệnh này, người bệnh thường uống trước bữa ăn chất nào sau đây?1. Nước đường saccharozo.

B. Dung dịch NaHCO3.C. Nước đun sôi để nguội.D. Một ít giấm ăn.***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***- Cho cả lớp trả lời ; Mời đại diện giải thích;- GV kết luận về nội dung kiến thức.***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***GV chốt đáp án |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Tổ chức hoạt động tìm hiểu vai trò của base trong cuộc sống.

**b) Nội dung:**

Học sinh tìm hiểu: Phản ứng của thuốc chữa đau dạ day

 - GV giới thiệu bảng màu bắp cải tím ứng với thang pH

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự đổi màu của nước bắp cải tím khi tác dụng với các dung dịch acid, base và một số thực phẩm trong đời sống

- GV cho học sinh tìm hiểu: Dịch vị dạ dày thường có pH trong khoảng bao nhiêu? Những người bị mắc bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng thường có pH khoảng nào. Để chữa căn bệnh này, người bệnh thường uống trước bữa ăn chất nào?

**c)****Sản phẩm:**

Bài thuyết trình HS

- Kết quả thí nghiệm

- Dịch vị dạ dày thường có pH trong khoảng từ 2-3. Những người bị mắc bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng thường có pH < 2.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập****Giao nhiệm vụ:* chia lớp làm 4 nhóm,viết PTHH:Một loại thuốc dành cho bệnh nhân đau dạ dày có chứa Al(OH)3 và Mg(OH)2. Viết phương trình hoá học xảy ra giữa acid HCl có trong dạ dày với các chất trên.--GV giới thiệu bảng màu bắp cải tím ứng với thang pH- Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự thay đổi màu pH và nước bắp cải tím với các các môi trường thực phẩm trong đời sống. Chụp hình và thực hiện bài báo cáoHọc sinh hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chất | Màu pH | Màu nước bắp cải tím |
| Nước khoáng LaviepH = 8 |  |  |
| Nước Cam TwisterpH = 3 |  |  |
| Trà đào hạt chiapH = 3 |  |  |
| Nước ChanhpH = 2 |  |  |
| Nước ngọt SpritepH = 3 |  |  |
| Sữa Nutri BoostpH = 4 |  |  |
| Nước StrongbowpH = 3 |  |  |
| Nước ngọt CoCa ColapH = 3 |  |  |
| Sữa VinamilkpH = 6 |  |  |
| Nước tăng lựcpH = 2 |  |  |
| Café lonpH = 6 |  |  |
| Kết luận: |

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***Thực hiện tại nhà giáo viên đửa ra hướng dẫn cần thiết ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***Sản phẩm của các nhóm***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***Kết luận:Các loại thức uống trong thị trường, gần gũi với các em học sinh phần lớn đều có môi trường axit. Nếu uống nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe nếu không biết sử dụng một cách điều độ chưa kể đến còn ảnh hưởng đến kinh tế và nạp vào cơ thể một hàm lượng đường khá cao có thể gây ra tiểu đường.Tiết sau học sinh nộp bài thuyết trình cho giáo viên |  |

* *Hướng dẫn về nhà*
* *Học bài cũ*
* *Làm bài tập ở SBT*
* *Xem trước bài*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 1****Câu 1:** Trong các chất sau đây, những chất nào là base: P2O5, HCl, Mg(OH)2, Ba(OH)2, ZnSO4, Zn(OH)2, NaOH, CuO, Fe(OH)3, CO2, KCl, H2SO4, Ca(OH)2?........................................................................................................................................................................................................................................................................................**Câu 2: Hoàn thành bảng sau**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| NaOH |  | Mg(OH)2 |  |
|  | Potassium **hydroxide** |  | Iron (III) **hydroxide** |
| Ba(OH)2 |  | Al(OH)3 |  |
|  | Copper (II) **hydroxide** |  | Calcium **hydroxide**  |

**Câu 3:** Sử dụng bảng tính tan, em hãy cho biết base nào tan được trong nước và base nào không tan trong nước.: LiOH, KOH, NaOH, Ba(OH)2, Cu(OH)2,  Zn(OH)2, Fe(OH)3, Mg(OH)2, Al(OH)3…........................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 2****Câu 1:** Tiến hành thí nghiệm tìm hiểu tính chất của base và hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thí nghiệm** | **Hiện tượng** | **Phương trình phản ứng** |
| 1 | Làm đổi chất chỉ thị màu |  |  |
| 2 | Dung dịch NaOH tác dụng với dung dịch HCl loãng |  |  |

**Câu 2:** Viết phương trình hoá học xảy ra khi cho các base: KOH, Cu(OH)2, Ca(OH)2 lần lượt tác dụng với:1. dung dịch acid HCl.
2. dung dịch acid H2SO4.

........................................................................................................................................................................................................................................................................................**Câu 3:** Hoàn thành các phương trình hoá học theo sơ đồ sau:1. KOH + ?  K2SO4 + H2O
2. Mg(OH)2  + ?  MgSO4 + H2O
3. Al(OH)3  + H2SO4 ? + ?

**Câu 4:** Có hai dung dịch giấm ăn CH3COOH và nước vôi trong Ca(OH)2 . Nêu cách phân biệt hai dung dịch trên bằng:1. quỳ tím.
2. Phenolphthalein

........................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 3: Xác định pH của các dung dịch bằng giấy chỉ thị màu**Trước buổi thực hànhPhân công nhiệm vụ

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên | Nhiệm vụ |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*Thí nghiệm 1: Xác định pH của các dung dịch giấm ăn, xà phòng, nước vôi trong bằng giấy chỉ thị màu*Chuẩn bị- Dụng cụ: Mặt kính đồng hồ, ống hút nhỏ giọt.- Hoá chất: Giấy chỉ thị màu, các dung dịch giấm ăn, nước xà phòng, nước vôi trong. *Thí nghiệm 2: Xác định pH của một số loại nước ép trái cây bằng giấy chỉ thị màu*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nước ép** | Chanh | Cam | Táo | Dưa hấu |
| **pH** | ? | ? | ? | ? |

*Thí nghiệm 3: Xác định pH của một số loại đồ uống bằng giấy chỉ thị màu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nước ép** | Bia  | Nước ngọt có gas | Sữa tươi |
| **pH** | ? | ? | ? |

\* Kết quả thực hiện* 1. Thí nghiệm 1
* ..............................................................................................................................................................................................................................................................................
	1. Thí nghiệm 2
* ..............................................................................................................................................................................................................................................................................
	1. Thí nghiệm 3
* ..............................................................................................................................................................................................................................................................................

\* Kết luận........................................................................................................................................................................................................................................................................................ |